

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 7 - 2025

*“V/v: Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Chí.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1997;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị), có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Thanh L, sinh năm 1998;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị), có mặt tại phiên tòa.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị A, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình (nay là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 tỉnh Quảng Trị), có mặt tại phiên tòa.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Thị Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình (nay là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 tỉnh Quảng Trị), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày:* Chị và anh L yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm sút mẻ tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh L. Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/7/2020, hiện đang sinh sống cùng với anh L và cha, mẹ anh L tại thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Hoàng Bảo C, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh L trình bày:* Về quá trình yêu nhau, kết hôn và chung sống của vợ chồng, anh nhất trí như sự trình bày của chị T. Anh và chị T sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/7/2020, hiện đang sống cùng với anh và cha, mẹ của anh tại thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị T xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L; về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/7/2020 vì hiện con chung đang do anh L cũng như cha, mẹ anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn chị T là người khuyết tật, thuộc diện miễn án phí nên không phải chịu án phí.

** Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn; về nuôi con chung, xét thấy hiện tại, chị T có thu nhập ổn định, mặc dù khuyết tật về hạn chế tầm nhìn nhưng vẫn nhìn thấy được với tỷ lệ 40% nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Đối với quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn; đối với quan hệ con chung, xét thấy hiện tại con chung còn nhỏ, hiện đang sinh sống ổn định với anh L và bố mẹ anh L từ cuối năm 2022 cho đến nay, anh L có thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý cũng như trong sinh hoạt của con, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử giao con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh L có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Cả chị T và anh L thống nhất trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh L có nơi đăng ký cư trú tại thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị T và anh L thì chị T và anh L đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/02/2020, do đó hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, làm sút mẻ tình cảm. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả chị T và anh L đều xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn và thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đòi

sống chung không thể kéo dài, chị T và anh L đều thống nhất ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/7/2020, hiện đang sống cùng với anh L và cha, mẹ của anh L tại thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị. Nếu ly hôn, cả chị T và anh L đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T và anh L đều là người khuyết tật, với mức thu nhập hàng tháng tương đồng nhau, có đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện con chung đang còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay đều do anh L và cha, mẹ của anh L trực tiếp, hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn và các điều kiện sống, học tập hiện tại của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T là người khuyết tật, có đơn yêu cầu miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu T và anh Hoàng Văn Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/7/2020 cho anh Hoàng Văn Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Đinh Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hoàng Văn Thanh L có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu.

Chị Đinh Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu T là người khuyết tật, có đơn đề nghị miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã C (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

